

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08a/2023/KDTM-PT

Ngày 20 - 02 - 2023

V/v Tranh chấp giữa người chưa phải là
thành viên công ty với thành viên công ty
TNHH và huỷ hợp đồng chuyển nhượng
phần vốn góp.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2022/TLPT-
KDTM ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp giữa người chưa phải
là thành viên công ty với thành viên công ty TNHH và huỷ hợp đồng chuyển
nhượng phần vốn góp*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày
11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3155/2022/QĐ-PT
ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị Ánh X, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 16/3 đường Tr, phường P, thành phố P1, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1961. (có
mặt)

Địa chỉ: đường Tr, phường P, thành phố P1, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Ông Hồ Quang Th, sinh năm 1957.

Địa chỉ: đường Tr, phường P, thành phố P1, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn T1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Đường 02, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Q

Địa chỉ: đường Tr, phường P, thành phố P1, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Phương M – Chủ tịch Hội đồng thành viên, sinh năm: 1965. (vắng mặt)

2/. Bà Nguyễn Thị Phương M, sinh năm 1965. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, thành phố P1, tỉnh Ninh Thuận.

3/. Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1961. (có mặt)

Địa chỉ: đường Tr, phường P, thành phố P1, tỉnh Ninh Thuận.

4/. Bà Võ Thị Anh Th, sinh năm 1957. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Tr, phường P, thành phố P1, tỉnh Ninh Thuận.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Mai Thị Ánh X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Phạm Ngọc T, người đại diện hợp pháp của bà Mai Thị Ánh X trình bày:

Ngày 20/12/2019, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Q (Công ty Q) họp thống nhất cho bà Nguyễn Thị Phương M và ông Hồ Quang Th chuyển nhượng hết phần vốn góp sang cho bà Mai Thị Ánh X, thay đổi cơ cấu Công ty sang loại hình một thành viên là bà Mai Thị Ánh X. Công ty Q ban hành nghị quyết, thay đổi điều lệ công ty.

Công ty Q – do bà Nguyễn Thị Phương M đại diện theo pháp luật đã đồng ý cho ông Hồ Quang Th chuyển nhượng phần vốn góp của ông Th cho bà Mai Thị Ánh X giá 1,2 tỷ đồng vào ngày 20/12/2019; Hai bên đã thanh toán tiền đủ ngày 23/12/2019, được chứng minh bằng:

- Hợp đồng chuyển nhượng số 05.2019/HĐCN-QT ngày 20/12/2019, giữa ông Th, bà X, được Công ty xác nhận, đóng dấu cùng ngày;

- Biên nhận tiền ngày 23/12/2019, ông Th xác nhận có nhận của bà X tiền chuyển nhượng 40% phần vốn góp của ông trong công ty là 1,2 tỷ. Có xác nhận của đại diện theo pháp luật của công ty Q.

Khi Công ty thực hiện thủ tục chuyển tên thành viên từ ông Th sang cho bà X thì bị sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận từ chối do Công ty Q bị cưỡng chế Thi hành án theo Quyết định số 05/QĐ-CTHADS ngày 14/8/2019.

Công ty Q có các khoản nợ và sẽ bị cưỡng chế thi bà X biết nhưng vẫn đồng ý nhận chuyển nhượng phần vốn góp và chuyển quyền sở hữu công ty và thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản nợ.

Bà Mai Thị Ánh X cho rằng hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp giữa ông Th với bà X vi phạm điều cấm theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng chuyển nhượng. Do đó, bà Mai Thị Ánh X khởi kiện ông Hồ Quang Th yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp giữa ông Hồ Quang Th (bên chuyển nhượng) với bà Mai Thị Ánh X (bên nhận chuyển nhượng); Ông Hồ Quang Th phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Mai Thị Ánh X 1.200.000.000đ. Bà Mai Thị Ánh X rút yêu cầu tính lãi của số tiền 1.200.000.000đ theo lãi suất do ngân hàng quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Hồ Quang Th là ông Huỳnh T trình bày:

Ngày 20/12/2019, Công ty Q họp thống nhất cho bà Nguyễn Thị Phương M và ông Hồ Quang Th chuyển nhượng hết phần vốn góp sang cho bà Mai Thị Ánh X, thay đổi cơ cấu Công ty sang loại hình một thành viên là bà Mai Thị Ánh X. Công ty ban hành nghị quyết, thay đổi điều lệ công ty.

Công ty Q – do bà Nguyễn Thị Phương M đại diện theo pháp luật đã đồng ý cho ông Hồ Quang Th chuyển nhượng phần vốn góp của ông Th cho bà Mai Thị Ánh X giá 1,2 tỷ đồng vào ngày 20/12/2019; Hai bên đã thanh toán tiền đủ ngày 23/12/2019.

Trước khi nhận chuyển nhượng phần vốn góp, bà Mai Thị Ánh X đã biết các khoản nợ của Công ty Q sẽ bị cưỡng chế thi hành án nhưng bà X vẫn chấp nhận mua và thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Việc chuyển nhượng phần vốn góp đã hoàn tất, các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ nên ông Th không đồng ý hủy hợp đồng để trả lại 1.200.000.000đ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có ý kiến đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Phương M – Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Q vắng mặt tại nơi cư trú cuối cùng nên không có lời khai trình bày. Bà Nguyễn Thị Phương M là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng vắng mặt, không có lời khai.

Ông Phạm Ngọc T – Chồng của bà Mai Thị Ánh X trình bày: Ông Phạm Ngọc T nhất trí yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ánh X đối với ông Hồ Quang Th.

Bà Võ Thị Anh Th – vợ của ông Hồ Quang Th trình bày: Bà Võ Thị Anh Th với ông Hồ Quang Th là vợ chồng. Ông Th là thành viên công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Q, thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp là quyền của ông Th, bà Th không biết và không liên quan vì đây là khoản tiền riêng của ông

Th. Bà Th yêu cầu Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng và yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Áp dụng: Điều 30 khoản 4, Điều 37 khoản 1 điểm a, Điều 147; Điều 228 khoản 1, 2; Điều 244 khoản 2 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 49, 53 của Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ánh X đối với ông Hồ Quang Th về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 05.2019/HĐCN-QT ngày 20/12/2019, giữa bên chuyển nhượng là ông Hồ Quang Th với bên nhận chuyển nhượng là bà Mai Thị Ánh X. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 05.2019/HĐCN-QT ngày 20/12/2019, giữa bên chuyển nhượng là ông Hồ Quang Th với bên nhận chuyển nhượng là bà Mai Thị Ánh X.

2/. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Q có trách nhiệm thực hiện cập nhật thông tin của bà Mai Thị Ánh X trên sổ đăng ký thành viên công ty. Ông Hồ Quang Th vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với công ty tương ứng với phần vốn góp có liên quan cho đến khi thông tin về người mua (bà Mai Thị Ánh X) quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 49 của Luật này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Q

3/. Đình chỉ yêu cầu tính lãi của số tiền 1.200.000.000đ do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu. Đương sự có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 20/8/2022, bà Mai Thị Ánh X kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng huỷ hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 05.2019/HĐCN-QT ngày 20/12/2019 và buộc ông Hồ Quang Th trả lại cho bà số tiền chuyển nhượng vốn góp 1.200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/12/2019 là 280.000.000 đồng; tổng cộng 1.480.000.000 đồng.

Ngày 26/8/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phương M có đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án. Ngày 08/9/2022, Tòa án cấp sơ thẩm giao thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà M nhưng bà M không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên ngày 28/9/2022 Tòa án cấp sơ thẩm ban hành thông báo trả lại đơn kháng cáo cho bà M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên và trình bày rằng khi ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp bà X chỉ biết rằng Công ty Q có khoản nợ Ngân hàng và sẽ bị cưỡng chế chứ không biết là có quyết định cưỡng chế của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- *Về chấp hành pháp luật:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà X và giữ nguyên Bản án sơ thẩm (có bài phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn Mai Thị Ánh X đúng hình thức, nội dung, nộp trong hạn luật định và đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phương M được nộp trong hạn luật định nhưng bà M không đóng tiền tạm ứng án phí nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 276; điểm c khoản 4 Điều 274 Bộ luật Tố tụng dân sự trả lại đơn kháng cáo cho bà M là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Mai Thị Ánh X, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Th cho rằng việc ông ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 05.2019/H ĐCN-QT với bà Mai Thị Ánh X là không có thật, chỉ là ký hợp thực hóa vì thực tế là ông thỏa thuận với bà Nguyễn Thị Phương M là ông chuyển nhượng 40% vốn góp của ông trong công ty Q cho bà M, điều này được thể hiện tại bản thỏa thuận ngày 27/11/2019 ký giữa ông và bà M, thỏa thuận giá chuyển nhượng là 1.200.000.000 đồng. Ngày 22/12/2019 ông nhận số tiền 1.200.000.000 đồng từ bà Mai Thị Ánh X, ông cho rằng bà M vay tiền của bà X trả cho ông. Phía nguyên đơn bà X không thừa nhận lời trình bày của ông Th, bà xác định chỉ nhận chuyển nhượng vốn góp từ ông Th thông qua hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 05 nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập đối với bà M để làm việc nhưng theo xác minh của Công an phường T thì bà M đi đâu không rõ, tại phiên tòa phúc thẩm bà M tiếp tục vắng mặt, đồng thời các chứng cứ có tại hồ sơ không thể hiện nội dung bà M vay tiền của bà X để nhận chuyển nhượng vốn góp của ông Th, vì vậy lời trình bày trên của ông Th là chưa đủ cơ sở.

[3] Các chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện vào ngày 20/12/2019 bà M và bà X ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 04 với nội dung; bà M chuyển nhượng cho bà X 60% vốn điều lệ trị giá 1.800.000.000 đồng, cùng ngày 20/12/2019 ông Th và bà M ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp với nội dung; ông Th chuyển nhượng cho bà M 40% vốn điều lệ trị giá 1.200.000.000 đồng. Cùng ngày 20/12/2019 bà M, ông Th và bà X ký biên bản họp hội đồng thành viên số 11/19-QT với nội dung chuyển nhượng vốn góp của các thành viên và chuyển đổi loại hình công ty, thay đổi cơ cấu tổ chức công ty, thay đổi điều lệ công ty và bà M ký Quyết định Hội đồng thành viên số 12 ngày 20/12/2019 với nội dung bà M, ông Th chuyển nhượng toàn bộ vốn góp cho bà X và thay đổi loại hình công ty từ Công ty TNHH hai thành viên trở lên thành Công ty TNHH một thành viên và gửi hồ sơ đến Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Ninh Thuận để đề nghị đăng ký doanh nghiệp nhưng đến ngày 24/12/2019 ông Th bà M và bà X lập biên bản về việc không hoàn thành thủ tục đăng ký thay đổi loại hình doanh nghiệp vì lý do Cục Thi hành án tỉnh Ninh Thuận có ý kiến sẽ công bố quyết định kê biên tài sản của Công ty Q để thực hiện Thông báo số 745 về việc thi hành án ngày 02/8/2019. Bà M hoàn trả lại tiền chuyển nhượng vốn góp cho bà X theo hợp đồng số 04 là 1.800.000.000 đồng, còn ông Th yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 05. Đến ngày 18/8/2020 bà M và ông Th ký biên bản họp Hội đồng thành viên với nội dung ông Th chuyển nhượng phần vốn góp cho bà X là 40% trị giá 1.200.000.000 đồng và thay đổi thành viên công ty từ ông Th sang bà X, cùng ngày 18/8/2020 bà M đã ký quyết định của Hội đồng thành viên với nội dung như nêu trên và lập thủ tục đăng ký thay đổi nội dung giấy đăng ký doanh nghiệp. Tại công văn số 1741 ngày 25/8/2020 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Ninh Thuận căn cứ Điều 56 Nghị định số 78 không xem xét giải quyết thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp vì lý do ngày 21/8/2020 Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận có Công văn số 828 đề nghị không làm thủ tục chuyển nhượng hoặc đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Q vì Công ty Q đang bị cưỡng chế kê biên xử lý tài sản.

[4] Như vậy, việc chuyển nhượng phần vốn góp từ ông Th sang bà X là có thật và các bên đã thực hiện xong từ 18/8/2020, ông Th đã nhận tiền chuyển nhượng phần vốn góp từ ngày 22/12/2019, quá trình thực hiện việc chuyển nhượng phần vốn góp thì bà X hoàn toàn biết rõ Công ty Q đang có khoản nợ phải thi hành án nhưng bà X vẫn đồng ý nhận chuyển nhượng vốn góp của ông Th, do đó nguyên đơn cho rằng ông Th giấu thông tin việc Công ty Q có khoản nợ phải thi hành án nên vi phạm Điều 5 của hợp đồng là không có căn cứ như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm. Xét hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 05 ngày 20/12/2019 là đúng quy định tại Điều 53 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các Điều 430, 450 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Mai Thị Ánh X phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị bác kháng cáo của bà X, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 49, 53 Luật doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ các Điều 430, 450 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng của nguyên đơn bà Mai Thị Ánh X.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ánh X đối với ông Hồ Quang Th về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 05.2019/HĐCN-QT ngày 20/12/2019, giữa bên chuyển nhượng là ông Hồ Quang Th với bên nhận chuyển nhượng là bà Mai Thị Ánh X. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 05.2019/HĐCN-QT ngày 20/12/2019, giữa bên chuyển nhượng là ông Hồ Quang Th với bên nhận chuyển nhượng là bà Mai Thị Ánh X.

2/. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Q có trách nhiệm thực hiện cập nhật thông tin của bà Mai Thị Ánh X trên sổ đăng ký thành viên công ty. Ông Hồ Quang Th vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với công ty tương ứng với phần vốn góp có liên quan cho đến khi thông tin về người mua (bà Mai Thị Ánh X) quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 49 của Luật này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Q

3/. Đình chỉ yêu cầu tính lãi của số tiền 1.200.000.000đ do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu. Đương sự có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4/. Bà Mai Thị Ánh X phải chịu 48.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tamm ứng án phí 29.700.000 đồng bà X

đã nộp tại biên lai số 0000432 ngày 07/12/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận, bà Mai Thị Ánh X còn phải nộp tiếp 18.300.000 đồng.

5/. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Mai Thị Ánh X phải chịu 2.000.000 đồng, Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng bà X đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000549 ngày 07/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận (đã nộp xong).

6/. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- ĐS (6);
- Lưu VP(3), HS(2).16b.HDT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thịnh